CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Số : 11 /2020/NTW-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Nhơn Trạch, Ngày 03 tháng 11 năm 2020

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 10/2020

- Tổng số mẫu xét nghiệm : 04 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 04 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 0

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/ THÁNG	KẾT QUẢ LÝ HÓA		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
			Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước + Đường số 2	04	04	0	0
Cộng		04	04	0	0
Tỷ lệ %		x	100%	0	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.

Trân trọng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 4703000498 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
H. NHƠN TRẠCH - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Lương Thắng

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 2283 /KQ-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02283.20	**Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tên mẫu : **Nước máy**
Lượng mẫu : 1000+200ml
Ngày nhận mẫu : 12/10/2020
Ngày trả kết quả : 23/10/2020
Địa điểm lấy mẫu : Trạm bơm Đại Phước
Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2020

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Phạm Minh Tiến

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02283.20 | **Trang : 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Độ pH*	TCVN 6492:2011.	7,30	6,5 - 8,5	12/10/2020
2	*Màu sắc*	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/10/2020
3	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/10/2020
4	*Độ đục*	Turbiditymeter AL450T-IR	0,52 NTU	≤ 2 NTU	12/10/2020
5	*Độ cứng tổng cộng*	SMEWW 2340C:2012	137,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	13/10/2020
6	*Chỉ Số Permanganate*	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	14/10/2020
7	*Hàm lượng Nitrit*	SMEWW 4500NO_2-B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	14/10/2020
8	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180: 1996	11,49 mg/l	≤ 50 mg/l	14/10/2020
9	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194: 1996	193,70 mg/l	≤ 250 mg/l	14/10/2020
10	*Hàm lượng Mangan tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,11 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
11	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
12	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997-375.4	4,13 mg/l	≤ 250,0 mg/l	13/10/2020
13	*Hàm lượng Clo dư*	Chlorine test	0,38 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	12/10/2020
14	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020
15	*Coliform tổng số*	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 2280 /KQ-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02280.20	**Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước máy**

Lượng mẫu : 1000+200ml

Ngày nhận mẫu : 12/10/2020

Ngày trả kết quả : 23/10/2020

Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 12 tuyến đường 2

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2020

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Phạm Minh Tiến

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH ĐỒNG NAI

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02280.20 | **Trang : 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Độ pH*	TCVN 6492:2011.	7,02	6,5 - 8,5	12/10/2020
2	*Màu sắc*	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/10/2020
3	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/10/2020
4	*Độ đục*	Turbiditymeter AL450T-IR	0,12 NTU	≤ 2 NTU	12/10/2020
5	*Độ cứng tổng cộng*	SMEWW 2340C:2012	42,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	13/10/2020
6	*Chỉ Số Permanganate*	TCVN 6186:1996	0,42 mg/l	≤ 2,0 mg/l	14/10/2020
7	*Hàm lượng Nitrit*	SMEWW 4500NO_2-B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	14/10/2020
8	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180: 1996	4,99 mg/l	≤ 50 mg/l	14/10/2020
9	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194: 1996	9,90 mg/l	≤ 250 mg/l	14/10/2020
10	*Hàm lượng Mangan tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
11	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
12	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997-375.4	4,43 mg/l	≤ 250,0 mg/l	13/10/2020
13	*Hàm lượng Clo dư*	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	12/10/2020
14	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020
15	*Coliform tổng số*	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2282 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02282.20	**Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước máy**

Lượng mẫu : 1000+200ml

Ngày nhận mẫu : 12/10/2020

Ngày trả kết quả : 23/10/2020

Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 6 ấp Câu Kê

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2020

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Phạm Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02282.20 | **Trang : 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Độ pH*	TCVN 6492:2011.	7,13	6,5 - 8,5	12/10/2020
2	*Màu sắc*	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/10/2020
3	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/10/2020
4	*Độ đục*	Turbiditymeter AL450T-IR	0,31 NTU	≤ 2 NTU	12/10/2020
5	*Độ cứng tổng cộng*	SMEWW 2340C:2012	162,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	13/10/2020
6	*Chỉ Số Permanganate*	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	14/10/2020
7	*Hàm lượng Nitrit*	SMEWW 4500NO_2-B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	14/10/2020
8	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180: 1996	12,07 mg/l	≤ 50 mg/l	14/10/2020
9	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194: 1996	218,37 mg/l	≤ 250 mg/l	14/10/2020
10	*Hàm lượng Mangan tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,13 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
11	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
12	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997-375.4	5,10 mg/l	≤ 250,0 mg/l	13/10/2020
13	*Hàm lượng Clo dư*	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	12/10/2020
14	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020
15	*Coliform tổng số*	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 2281 /KQ-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02281.20	**Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước máy**

Lượng mẫu : 1000+200ml

Ngày nhận mẫu : 12/10/2020

Ngày trả kết quả : 23/10/2020

Địa điểm lấy mẫu : Trụ cứu hỏa số 2 xã Phú Hữu

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa và bình thủy tinh, nắp đậy kín

Đồng Nai, ngày 23 tháng 10 năm 2020

KHOA XN-CĐHA-TDCN
TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Thanh

GIÁM ĐỐC
TL. GIÁM ĐỐC
TP. TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Phạm Minh Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02281.20 | **Trang : 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Độ pH*	TCVN 6492:2011.	7,10	6,5 - 8,5	12/10/2020
2	*Màu sắc*	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	14/10/2020
3	*Mùi, vị*	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/10/2020
4	*Độ đục*	Turbiditymeter AL450T-IR	0,74 NTU	≤ 2 NTU	12/10/2020
5	*Độ cứng tổng cộng*	SMEWW 2340C:2012	161,50 mg/l	≤ 300,0 mg/l	13/10/2020
6	*Chỉ Số Permanganate*	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	14/10/2020
7	*Hàm lượng Nitrit*	SMEWW 4500NO_2-B :2017	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	14/10/2020
8	*Hàm lượng Nitrat*	TCVN 6180: 1996	12,08 mg/l	≤ 50 mg/l	14/10/2020
9	*Hàm lượng Clorua*	TCVN 6194: 1996	219,76 mg/l	≤ 250 mg/l	14/10/2020
10	*Hàm lượng Mangan tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,15 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
11	*Hàm lượng Sắt tổng số*	SMEWW 3111B: 2017	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	15/10/2020
12	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997-375.4	5,30 mg/l	≤ 250,0 mg/l	13/10/2020
13	*Hàm lượng Clo dư*	Chlorine test	0,37 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	12/10/2020
14	*Escherichia coli*	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020
15	*Coliform tổng số*	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	12/10/2020

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.